TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ - ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2022
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa, bà Đỗ Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Trần Chung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang trú tại: Khu 1, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó đã trình bày:

Anh kết hôn với chị Chu Thị H ngày 29/3/2013, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng anh về ở chung cùng bố mẹ đẻ

anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng biết bảo nhau làm ăn. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau nói chuyện, hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được vì cả hai không còn tiếng nói chung nữa. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, áp lực. Chị H đã về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2021 đến nay không về nhà tôi nữa, anh đã xuống nói chuyện và bảo chị H về nhưng chị H không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, chị H không muốn đoàn tụ nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Chu Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung: Cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/01/2013; cháu Lê Văn H, sinh ngày 30/11/2014; cháu Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2020. Hiện cháu G và cháu H đang ở với anh; cháu H đang ở với chị H. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu G và cháu H, nhất trí để chị H nuôi cháu H vì cháu H còn nhỏ. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh làm nghề tự do thu nhập từ 10.000.000đ đến 11.000.000đ/1 tháng, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị H, nhưng chị H đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Đ, chính quyền địa phương cung cấp: Về hôn nhân: Anh Lê Văn Q và chị Chu Thị H kết hôn với nhau ngày 29/3/2013, và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của anh Q, chị H không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H thì Ủy ban nhân dân xã N không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay Ủy ban nhân dân xã N đều không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của anh Q và chị H. Về con chung: Anh Q và chị H có 03 con chung là các cháu: Lê Trường G, sinh ngày 31/01/2013; Lê Văn H, sinh ngày 30/11/2014;

Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2020. Hiện cháu G, cháu H đang ở với anh Q. Cháu H ở với chị H. Nay anh Q có đơn xin ly hôn chị H, Ủy ban nhân dân xã N đề nghị Tòa án giải quyết giao con theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho cháu. Về các mối quan hệ khác trong vụ án giữa anh Q, chị H, Ủy ban nhân dân xã N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Ủy ban nhân dân xã N không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến anh Q, chị H về hành vi vi phạm pháp luật.

Hiện chị Chu Thị H vẫn có hộ khẩu tại xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng giờ chị H không sống cùng gia đình anh Q ở thôn S, xã N, huyện Vĩnh Tường được một thời gian rồi. Chị H hiện đi đâu, làm gì, ở đâu chính quyền địa phương không nắm được, vì chị H không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương.

Anh Q hiện làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân ở xã N khoảng 150.000đ/1 ngày.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2022, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị H trình bày: Chị H đi làm vắng không có nhà, gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, đã biết anh Q đang đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H, trước đó chị H có đồng ý ly hôn, khi nhận được các thông báo của Tòa, gia đình cũng đã thông báo cho chị H biết. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H thì bà N không nắm được. Nay anh Q xin ly hôn chị H, gia đình không ý kiến gì, tôn trọng quyết định của anh Q và chị H, gia đình cũng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị vì anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Về con chung: Anh Q chị H có 03 con chung là các cháu: Lê Trường G, sinh ngày 31/01/2013; Lê Văn H, sinh ngày 30/11/2014; Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2020. Hiện cháu G, cháu H đang ở với anh Q. Cháu H ở với chị H. Chị H có nói lại ly hôn, chị H nhất trí nuôi cháu H vì cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hàng tháng chị H vẫn gửi tiền về để nuôi cháu H. Về tài sản và các mối quan hệ khác, bà Nghị không ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Hiện gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị H, chị H không nói cho gia đình biết, thỉnh thoảng chị H vẫn về với con.

Quá trình làm việc tại Tòa án cháu H và cháu G trình bày:

Các cháu là con của anh Lê Văn Q và chị Chu Thị H. Hiện tại các cháu đang ở với anh Q. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, nguyện vọng của các cháu xin được ở với bố là anh Q.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh Quyết đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt. Chị Hương không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho anh Lê Văn Q được ly hôn chị Chu Thị H; về con chung: Anh Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/01/2013; Lê Văn H, sinh ngày 30/11/2014. Giao cho chị Chu Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2020. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Q không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh Lê Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Chu Thị H, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn S, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Tại phiên tòa anh Q và chị H vắng mặt, tuy nhiên Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt do anh phải đi làm xa và do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên anh không về được. Đối với chị H, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần và đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác minh tại địa phương nơi cư trú và người thân của chị H cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị H. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 để xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Q và chị Chu Thị H đăng ký kết hôn ngày 29/3/2013, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh Q và chị H thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Q và chị H có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh Q trình bày do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không hạnh phúc. Anh và chị H đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án chị H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết anh Q xin ly hôn và xin nuôi hai con chung là cháu G và cháu H, nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa để trình bày ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng hay xin hàn gắn, đoàn tụ; không có ý kiến gì về con chung, tài sản, công nợ và đất nông nghiệp. Điều đó thể hiện thái độ không chấp hành pháp luật của chị H, nên chị H tự chịu trách nhiệm.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Q và chị H có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H. Việc anh Q xin ly hôn chị H và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật. Về phía gia đình chị H cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân của chị H và anh Q đã có những mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên anh Q xin ly hôn chị H, gia đình hoàn toàn nhất trí và tôn trọng quyết định của anh Q. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Q xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Q và chị H có 03 con chung là các cháu: Lê Trường G, sinh ngày 31/01/2013; Lê Văn H, sinh ngày 30/11/2014; Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2020. Hiện cháu G, cháu H đang ở với anh Q. Cháu H ở với chị H. Đối với cháu G, mặc dù cháu sinh ngày 31/01/2013- trước ngày anh Q và chị H kết hôn (29/3/2013); chị H không có quan điểm trình bày tại Tòa án, tuy nhiên tại Giấy khai sinh số 86/2013, quyển số 01/2013, ngày tháng năm đi đăng ký 26/4/2013, thể hiện cháu Lê Trường G có bố là Lê Văn Q, mẹ là Chu Thị H ở địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và bản thân anh Q cũng trình bày anh và chị H có 03 con chung trong đó có cháu Lê Trường G. Do đó có cơ sở để xác định cháu Lê Trường G là con chung của anh Q và chị H. Ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G và cháu H. Cháu H còn nhỏ dưới 3 tuổi nên nhất trí để chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con chung các bên không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại cháu G và cháu H đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn được ở với anh Q; đối với cháu H, vì cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, mặc dù chị H không trình bày ý kiến gì về việc nuôi con chung nhưng gia đình chị H trình bày, chị H nhất trí nuôi cháu H. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như không làm xáo trộn cuộc sống, học tập của các cháu, cần giao cháu G và cháu H cho anh Q; giao cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung anh Q và gia đình chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Anh Q không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn Q được ly hôn chị Chu Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/01/2013; Lê Văn H, sinh ngày 30/11/2014; chị Chu Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2020. Hiện cháu G và cháu H đang ở với anh Q; cháu H đang ở với chị H. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005386 ngày 08/02/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh Quyết đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Quỳnh